

Tên: .....

Từ vựng & Ngữ pháp HW: .....

Lớp: S5...

Nghe HW: .....

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



## GE5 - Unit 6: Great stories - Vocabulary 1 & KET Listening

### A. THEORY

#### I. VOCABULARY

##### ❖ Different types of stories

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>board books</b> (n)	những sách bìa cứng	5	<b>fables</b> (n)	những truyện ngụ ngôn
2	<b>comic adventure stories</b> (n)	những truyện tranh phiêu lưu	6	<b>picture books</b> (n)	những sách tranh
3	<b>family stories</b> (n)	những câu chuyện về gia đình	7	<b>young novels</b> (n)	những tiểu thuyết thiếu niên
4	<b>fairy tales</b> (n)	những truyện cổ tích			

##### ❖ Aboriginal art

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>Aboriginal</b> (adj)	(thuộc) thổ dân Úc	5	<b>carve</b> (v)	chạm khắc
2	<b>bark</b> (n)	vỏ cây	6	<b>sculpture</b> (n)	tác phẩm điêu khắc / tượng
3	<b>clay</b> (n)	đất sét	7	<b>ochre</b> (n)	đất màu tự nhiên
4	<b>charcoal</b> (n)	than củi	8	<b>represent</b> (v)	đại diện

### II. KET LISTENING

#### 1. Extra vocabulary

##### ❖ CLASSWORK: Extra vocabulary for KET – PART 2

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>have a break</b> (phr)	nghỉ giải lao	2	<b>information</b> (n)	thông tin

##### ❖ HOMEWORK: Extra vocabulary for KET – PART 2 (1)

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>look after</b> (phr.v)	chăm sóc, trông nom	3	<b>find out</b> (phr.v)	tìm ra, tìm hiểu
2	<b>staff</b> (n)	nhân viên	4	<b>poster</b> (n)	áp phích

##### ❖ HOMEWORK: Extra vocabulary for KET – PART 2 (2)

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>member</b> (n)	thành viên	3	<b>coat</b> (n)	áo khoác dày
2	<b>jacket</b> (n)	áo khoác mỏng			

**\*Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ;*

*phr = phrase: cụm từ; adj = adjective: tính từ.*

**\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).**

## 2. Method: Answer prediction

**Bước 1. Đọc câu hỏi kỹ** → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing...).

**Bước 2. Đoán chủ đề cần điền** → là người, địa điểm, giờ, đồ vật hay hành động.

**Bước 3. Nghe cẩn thận** → tìm chi tiết trùng với từ khóa, chú ý cách nói đồng nghĩa.

**Bước 4. Kiểm tra lại** → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.

### Ví dụ:

#### **Bước 1: Đọc kỹ câu hỏi**

Câu: “*Start date:*” → yêu cầu điền **ngày bắt đầu**.

Đây là dạng câu hỏi **thời gian (date)** → cần nghe xem người nói nhắc đến **ngày nào**.

#### **Bước 2: Đoán chủ đề**

Đoán: Cần điền **một ngày cụ thể**, ví dụ *15th September, 20th August, ...*

#### **Bước 3: Nghe audio**

Script: “... *It'll begin on the fifteenth of September ...*”

👉 Nghe thấy rõ cụm “**begin on the fifteenth of September**”.

#### **Bước 4: Kiểm tra lại**

Đọc lại câu: “**Start date: 15th September**” → đúng ngữ pháp, đúng thông tin **ngày bắt đầu**.

**Kết luận:** Câu trả lời chính xác là **15th September**.

## B. CLASSWORK

### I. Pre-listening: Match each question with the correct type of information.

Question	Type of information
<del>0. What is the start date?</del>	a. a place
1. What day will the club meet?	b. a person's name
2. What time does the club start?	c. a time
3. Who is the teacher?	d. a phone number
4. What is the teacher's phone number?	e. a weekday
5. Where is the club?	<del>f. a calendar date</del>

**Your answer:**

0 - <u>f</u>	1 - .....	2 - .....	3 - .....	4 - .....	5 - .....
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

II. For each question, write the correct answer in the gap. Write ONE WORD or A NUMBER or A DATE or A TIME.

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5\\_w20\\_classwork\\_ket-part-2](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5_w20_classwork_ket-part-2)



### KET PART 2 - 5 questions

You will hear a teacher talking to a class about a new music club.

#### New music club

Start date: 15th September

Day club will meet: (6) .....

Time: (7) from ..... to 5 p.m.







Teacher's name: (8) Mr .....

Teacher's phone number: (9) .....

Place: (10) .....

## C. HOMEWORK (15 questions)

### I. Fill in the missing letters.

0. The artist uses **b a r k** from a tree to make art. 
1. .... **b o r** ..... **g i n** ..... l people have lived in Australia a long time. 
2. Children can make pots from **c l** ..... **y** in art class. 
3. The man **c a** ..... **v** ..... **s** on wood with simple tools. 
4. This statue is a famous **s** ..... **u l** ..... **t u r** ..... in the museum. 
5. The artist uses **c h** ..... **r c** ..... **a l** from wood to draw pictures. 

### II. Read and decide if each statement is Right or Wrong.

Lily has loved reading since she was very young. When she was a baby, her parents often read board books and picture books to her. These books had strong covers and colourful pictures, so Lily enjoyed looking at them and listening to simple stories.

When Lily started primary school, she began reading fairy tales and fables. She liked fairy tales because they were full of magic and interesting characters. She also liked fables because they were short and always taught her an important lesson about life.

As Lily grew older, her interests changed. At the age of ten, she started reading comic adventure stories. She enjoyed these books because they had exciting journeys, brave heroes and dangerous places. At the same time, Lily liked reading family stories because they helped her understand relationships between parents, children and grandparents.

Now Lily is fourteen years old. She prefers reading young novels. These books are longer and talk about teenagers, friendships and changes in life. Lily still enjoys reading sometimes, but she no longer reads board books or picture books.

- |  |              |
|--|--------------|
| 0. Lily liked board books and picture books when she was a baby.                       | <u>Right</u> |
| 1. Lily started reading fairy tales and fables when she began primary school.          | .....        |
| 2. Lily liked fairy tales because they were short and easy to read.                    | .....        |
| 3. Lily enjoyed comic adventure stories because they had exciting journeys and heroes. | .....        |
| 4. Lily read family stories because they were about magic and strange places.          | .....        |
| 5. Lily still reads board books and picture books now.                                 | .....        |

### III. Complete these sentences with your own ideas using zero conditional. Write MORE THAN 3 words.

0. When I want to relax, I draw pictures and feel calm.
1. If I eat too much sugar, I .....
2. If I have free time at the weekend, I .....
3. If my friend needs my help, I .....
4. When I have a lot of homework, I .....
5. When I feel happy, I .....

#### IV. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE



Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5\\_w20\\_homework\\_ket-part-2-1](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5_w20_homework_ket-part-2-1)

##### KET PART 2 – 5 questions



For each question, write the correct answer in the gap.

Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a woman telling some students about their visit to the zoo.

##### Zoo visit

- Name of project: Helping
- Animal to draw: (6) .....
- Time to give animals water: (7) ..... a.m.
- Name of baby lion: (8) .....
- Age of oldest dolphin: (9) .....
- Present: (10) .....

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5\\_w20\\_homework\\_ket-part-2-2](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5_w20_homework_ket-part-2-2)

##### KET PART 2 – 5 questions



For each question, write the correct answer in the gap.

Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a boy leaving a message for a friend about a football match.

##### Football match

- Day: Saturday
- Name of stadium: (6) .....
- Bus number: (7) .....
- Cost of ticket: (8) £ .....
- Wear: (9) .....
- Bring: (10) .....